

Bản án số: 254 /2024/DS-PT

Ngày: 28 - 6 - 2024

V/v Tranh chấp chia di sản thừa kế và hủy hợp đồng
thuê quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền

Các Thẩm phán: Bà Đinh Cẩm Đào

Ông Hồ Minh Tấn

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Thế Bắc là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Yên - Kiểm sát viên.

Ngày 27 và 28 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 113/2024/TLPT-DS ngày 08 tháng 5 năm 2024 về việc: “Chia di sản thừa kế và hủy hợp đồng thuê đất”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 61/2024/DS-ST ngày 13 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 115/2024/QĐ-PT ngày 20 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trương Hồng T1, sinh năm 1975.

Người đại diện hợp pháp của bà T1: Bà Bùi Kim Ng, sinh năm 1976 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp 4, thị trấn Gành Hào, huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu.

- Bị đơn:

1. Cụ Lâm Thị A, sinh năm 1951

2. Chị Trương Diễm H, sinh năm 1994 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp Thuận Hoà B, xã Tân Thuận, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện hợp pháp của cụ Anh: Chị Trương Diễm H

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Minh L, sinh năm 1968 (có mặt).

2. Bà Lê Hồng T2, sinh năm 1974 (có mặt).

Cùng địa chỉ: ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh C ..

Người kháng cáo: Bà Trương Hồng T1, là nguyên đơn; cụ Lâm Thị A, là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 09 tháng 5 năm 2023 và đơn khởi kiện bổ sung ngày 09/9/2023, trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Cha ruột của bà T1 là cụ Trương Minh Phán, chết ngày 03/4/2023 và mẹ ruột của bà cụ Nguyễn Thị Nhàn chết năm 1986. Khoảng năm 1988 cụ Phán cưới cụ Lâm Thị A. Khi cụ Phán với cụ A sống chung không có con chung, đến khoảng năm 1997 cụ Phán và cụ A xin người con nuôi tên Trương Diễm H.

Lúc sinh thời cụ Phán và cụ Nhàn có phần đất diện tích 18.780m², thửa số 41 và 43, tờ bản đồ số 21 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Giấy chứng nhận) được Ủy ban nhân dân (UBND) huyện Đầm Dơi cấp ngày 21/01/2002 cho cụ Trương Minh Phán, phần đất tọa lạc tại ấp Thuận Hoà B, xã Tân Thuận, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau. Trên phần đất cụ Phán có xây dựng 01 căn nhà cấp 04, diện tích khoảng 100m².

Ngày 04/6/2014 cụ Phán có lập di chúc và ngày 10/9/2018 cụ Phán lập di chúc bổ sung, hai di chúc có nội dung cho tặng bà T1 toàn bộ đất đai và tài sản trên đất và cụ Anh phải giao cho bà T1 22 chỉ vàng 24k (số vàng do mẹ ruột bà T1 để lại 46 chỉ, cụ Phán quản lý và giao cho cụ Anh cất giữ).

Ngày 13/02/2023 âm lịch cụ Phán chết, thì 20 ngày sau là ngày 06/3/2023 âm cụ Anh và chị H lập hợp đồng cho ông Nguyễn Minh L và bà Lê Hồng T2 thuê phần đất, giá tiền thuê 35.000.000 đồng/năm.

Bà T1 khởi kiện yêu cầu Tòa án công nhận di sản thừa kế theo di chúc cụ Trương Minh Phán thiết lập ngày 04/6/2014 và ngày 10/9/2018 hợp pháp. Buộc cụ A và chị H giao lại cho bà phần đất và nhà trên đất; yêu cầu cụ A trả cho bà 22 chỉ 24k; hủy hợp đồng thuê đất lập ngày 06/3/2023 giữa cụ A và chị H với ông L, bà T2.

Theo đơn khởi kiện phản tố đề ngày 11 tháng 9 năm 2023, trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn cụ Lâm Thị Anh trình bày:

Đối với yêu cầu của bà T1 buộc cụ trả 22 chỉ vàng 24k theo di chúc bổ sung ngày 10/9/2018 cụ không đồng ý. Vì thực tế cụ không biết số vàng này. Ngoài ra, cụ A xác định ngoài phần đất và tài sản cụ đang quản lý hiện nay thì cụ không biết cụ Phán có mua tài sản hay nhận chuyển nhượng phần đất nào khác không. Nếu sau này cụ phát hiện còn tài sản nào của cụ Phán, cụ yêu cầu khởi kiện chia di sản thừa kế ở vụ kiện khác.

Cụ Anh không đồng ý tuyên hủy hợp đồng cho thuê đất giữa cụ và chị H

với ông L và bà T2 thiết lập ngày ngày 06/3/2023 ãl.

Cụ A yêu cầu Toà án giải quyết chia di sản thừa kế của cụ Trương Minh Phán để lại theo quy định pháp luật trong đó có phần của chị Trương Diễm H gồm nhà và phần đất có diện tích khoảng 18.780m² tọa lạc tại ấp Thuận Hoà B, xã Tân Thuận, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau mà hiện cụ và chị H đang quản lý và yêu cầu được nhận phần đất có các căn nhà do cụ và chị H đang sinh sống. Yêu cầu bà Trương Hồng T1 trả lại cho cụ 20 chỉ vàng 24k và lãi suất theo quy định pháp luật từ tháng 06/2010 đến 06/2023.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Trương Diễm H trình bày: Chị H không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của bà Trương Hồng T1. Chị xác định di chúc ngày 04/6/2014 do bà T1 cung cấp không phải của cụ Phán lập. Chị yêu cầu Toà án giải quyết chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản do cụ Phán để lại gồm phần đất và nhà hiện cụ A và chị đang quản lý và yêu cầu được nhận phần đất có các căn nhà do cụ A và chị đang sinh sống.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Minh L và bà Lê Hồng T2: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông L và bà T2 theo quy định pháp luật, nhưng ông L và bà T2 không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, yêu cầu phản tố của bị đơn.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 61/2024/DS-ST ngày 13 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi đã quyết định:

1. Tuyên bố hợp đồng hợp đồng thuê đất giữa cụ Lâm Thị A, chị Trương Diễm H với ông Nguyễn Minh L, bà Lê Hồng T2 thiết lập ngày 6/3/2023 vô hiệu.

1.1. Buộc cụ A, chị H có nghĩa vụ giao lại cho bà T1 công xỏ vuông 9m² và phần đất diện tích 23.188m² tọa lạc tại ấp Thuận Hoà B, xã Tân Thuận, huyện Đầm Dơi, có các hướng tiếp giáp thể hiện tại mảnh trích đo thửa đất ngày 26/6/2023.

1.2. Buộc bà T1 có nghĩa vụ giao giá trị đất và công xỏ vuông cho cụ A số tiền 240.745.446 đồng.

1.3. Không chấp nhận yêu cầu của bà T1 về buộc cụ A trả cho bà 22 chỉ vàng 24k theo di chúc của cụ Phán lập ngày 10/9/2018.

2. Giao cho cụ A được quản lý, sử dụng phần đất diện tích 320,5m² và các căn nhà có diện tích 167m²; nhà tạm 24m²; nhà trệt phía bờ sông 33m² và hàng rào 15m tọa lạc tại ấp Thuận Hoà B, xã Tân Thuận, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau có các hướng tiếp giáp thể hiện tại mảnh trích đo thửa đất ngày 26/6/2023.

2.1. Buộc cụ A có nghĩa vụ giao cho bà T1 giá trị ½ các căn nhà và giá trị hàng rào số tiền 220.892.175 đồng.

2.2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của cụ A và chị H về việc yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Phán theo pháp luật.

2.3. Không chấp nhận yêu cầu của cụ A về buộc bà T1 trả cho cụ 20 chỉ vàng 24k, lãi suất theo quy định pháp luật từ tháng 6/2010 đến tháng 6/2023.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ thi hành án, án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo theo luật định.

Các ngày 26, 28 tháng 3 năm 2024 cụ Lâm Thị A và bà Trương Hồng T1 có kháng cáo.

Cụ Lâm Thị A kháng cáo yêu cầu: Không công nhận di chúc, xem xét lại nội dung di chúc và phân chia tài sản theo quy định pháp luật.

Bà Trương Hồng T1 kháng cáo yêu cầu:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T1, buộc cụ Lâm Thị A, chị Diễm Hương giao toàn bộ tài sản là quyền sử dụng đất do cụ Trương Minh Phán đứng tên diện tích đất theo đo đạc thực tế là 23.508,5m² và tài sản gắn liền với đất là nhà.

- Không chấp nhận việc buộc bà T1 phải chia giá trị công sức đóng góp cho cụ Lâm Thị Anh diện tích đất 4.000m² và công xổ vuông (tương đương số tiền 240.745.446 đồng); không chấp nhận giao căn nhà diện tích 167m², phần đất diện tích 320,5m² cho cụ Lâm Thị Anh quản lý, sử dụng;

- Buộc cụ Lâm Thị A trả lại cho bà T1 22 chỉ vàng 24k;

- Bác yêu cầu phản tố, yêu cầu kháng cáo của cụ Anh về việc phân chia di sản thừa kế theo pháp luật đối với tài sản của cụ Trương Minh Phán.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

+ Nguyên đơn giữ nguyên kháng cáo, yêu cầu thực hiện theo di chúc cụ Phán. Căn cứ kháng cáo: (1) hai di chúc cụ Phán lập ghi rõ là bà T1 được hưởng toàn bộ phần đất và nhà trên đất, hưởng 22 chỉ vàng 24k là vàng mẹ ruột bà T1 để lại, cụ A phải giao lại bà T1 số vàng này, đối với 22 chỉ vàng cụ Phán ghi trong di chúc là cụ A phải giao cho bà T1 được nhiều người trong thân tộc biết và nguyên đơn đã cung cấp lời khai những người biết; (2) cụ A đã được hưởng tài sản nhiều, gồm 01 phần đất cụ Phán sang từ ông Lê Minh Ý diện tích hơn 13 công (phần đất này giá trị gấp đôi phần đất cụ Phán để thừa kế cho bà T1) và trên 30 lượng vàng 24k, ngoài ra cụ A đứng tên Giấy chứng nhận một phần đất diện tích 6.767m² tại ấp Tân Long, xã Tân Duyệt, huyện Đầm Dơi; (3) về căn nhà xây cất năm 2010, không phải tiền của cụ Phán mà chị em xây để sau này thờ cúng ông bà.

+ Trên phần đất có nhà, trong đó có 01 căn nhà của vợ chồng cụ Phán, Nhà cũ nên cụ Phán sửa lại cho Diễm H ở, theo định giá tài sản là 34.650.000 đồng; hiện tại Hương đã đập bỏ không còn sử dụng được.

- Đại diện hợp pháp của bị đơn trình bày:

(1) Giữ nguyên kháng cáo, cụ A yêu cầu chia thừa kế theo quy định pháp luật đối với tài sản của cụ Phán để lại. Căn cứ kháng cáo: Di chúc không hợp pháp, bởi vì: số giấy chứng minh trong di chúc không đúng với số giấy chứng minh của cụ Phán; không phải UBND xã nơi cư trú của cụ Phán chứng thực di chúc; di chúc chỉ lập 01 bản chứ không được lập di chúc bổ sung; bà T1 là con nuôi chứ không phải con ruột; nhà đất là tài sản chung của cụ Phán, cụ A.

(2) Hiện tại, phần đất cụ Anh cho vợ chồng ông L, bà T2 thuê, thuê hàng năm, hiện đang thuê năm thứ 02, đến tháng 3/2025 hết hạn thuê năm thứ hai.

(3) Căn nhà trệt phía bờ sông cụ Phán cất cho Diễm Hương ở theo định giá là 34.650.000 đồng, hiện tại không còn sử dụng được vì bị sạt lở, tol lợp trên mái nhà không còn.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, ông Nguyễn Minh L, bà Lê Hồng T2 trình bày: ông bà đi làm ăn xa nên không tham dự tại cấp sơ thẩm; ông bà thuê đất của cụ A hàng năm, đã thuê 01 năm và trả đủ tiền 35.000.000đ/năm; hiện tại ông bà đang ở trên phần đất. Ông bà không ý kiến đối với tranh chấp giữa bà T1 với cụ A.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử tiến hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng và các đương sự cũng chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ của các đương sự được pháp luật quy định.

Về nội dung: Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm; chấp nhận một phần kháng cáo của bà T1; không chấp nhận kháng cáo của cụ A; buộc cụ A, chị H, ông L bà T2 có nghĩa vụ giao trả phần đất cho bà T1; cụ A được nhận 320,5m² đất và căn nhà trên đất, cụ A hoàn trả cho bà T1 ½ giá trị căn nhà; giảm 50% tiền án phí cho bà T1.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của người tham gia tố tụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đơn kháng cáo của bà Trương Hồng T1, cụ Lâm Thị A nộp trong thời hạn luật định, được chấp nhận xem xét, giải quyết

[2] Xét kháng cáo của nguyên đơn, bà Trương Hồng T1

2.1- Bà T1 kháng cáo yêu cầu công nhận nội dung hai di chúc là bà T1 được hưởng toàn bộ phần đất chứ không đồng ý chia giá trị công sức đóng góp cho cụ Lâm Thị A đối với phần đất đo thừa là 4.000m².

Qua xem xét toàn diện chứng cứ, nhận thấy: Cụ Trương Minh Phán và cụ Nguyễn Thị Nhanh chung sống với nhau từ năm 1960, hai cụ là cha mẹ của bà T1, vào thời điểm năm 1960 hai cụ Phán, Nhanh được cha mẹ cụ Phán tặng cho phần đất trồng lúa, đến khoảng năm 1985 chuyển sang nuôi tôm, vào

năm 1990 cụ Phán đã được cấp Giấy chứng nhận, khi nhà nước có chủ trương đổi Giấy thì năm 2002 cụ Phán đổi Giấy và đứng tên Giấy chứng nhận đất diện tích 18.780m² thuộc các thửa 41, 43 tờ bản đồ số 21 tọa lạc đất ấp Thuận Hòa B, xã Tân Thuận, huyện Đầm Dơi. QSD đất này là tài sản của cụ Phán và cụ Nhanh, cho nên cụ Phán có quyền định đoạt tài sản của mình. Do đó, cụ Phán lập di chúc ngày 04/6/2014 và lập di chúc bổ sung ngày 10/9/2018 có nội dung “...Tôi tặng lại con gái tên Trương Hồng T1 tài sản thừa kế như sau: Một phần đất nuôi tôm có diện tích 18780m² trong đó có 01 căn nhà cấp 4 có đất thổ cư 300m², tọa lạc tại ấp Thuận Hoà B, xã Tân Thuận, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau...” (bút lục 168, 171). Hai bản di chúc có chứng thực của UBND xã, tại cấp sơ thẩm chị H yêu cầu giám định và kết quả giám định chữ ký tên trong hai di chúc đúng là cụ Trương Minh Phán ký tên. Di chúc cụ Phán nhờ người thân cất giữ và khi cụ Phán chết thì di chúc mới được công bố. Xét về hình thức, nội dung thì di chúc đảm bảo quy định tại các điều 649, 650 và Điều 658 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 636, Điều 640 Bộ luật dân sự năm 2015. Theo nội dung di chúc thì bà T1 được hưởng toàn bộ phần đất thể hiện trong Giấy chứng nhận, qua đo đạc thực tế diện tích 23.508,5m² thì toàn bộ diện tích đất này thuộc về bà T1 chứ không thể người khác được hưởng phần diện tích đất thừa so với Giấy chứng nhận. Nếu tính công sức đóng góp của cụ A thì trong di chúc cụ Phán cũng đã phân chia cho cụ A được hưởng phần đất mà cụ Phán mua từ ông Châu Minh Ý có diện tích 13.511,4m² hiện ông Ý còn đứng tên Giấy chứng nhận (vì ông Ý có 24.760m², bán cho cụ Phán một phần nên chưa chuyển tên), sự việc sang đất từ ông Ý được ông Ý xác nhận phù hợp với nội dung di chúc cụ Phán nêu; ngoài ra, theo nội dung di chúc cụ Phán để lại cho cụ A hưởng hơn 30 lượng vàng do cụ Phán tích góp và 24 chỉ vàng do vợ trước để lại, 15 chỉ vàng cha cụ Phán để cho cụ thì cụ để lại cho cụ A; cụ A được thu hồi nợ 300 triệu đồng. Và hồ sơ vụ án thể hiện cụ Lâm Thị A đứng tên Giấy chứng nhận phần đất có diện tích 6.767m² đất nuôi trồng thủy sản tọa lạc ấp Tân Long, xã Tân Duyệt, huyện Đầm Dơi được UBND huyện cấp năm 2008.

Cụ Phán và cụ A không có con chung, tâm nguyện cụ Phán cho con gái ruột tên Trương Hồng T1 được hưởng phần đất là tài sản của cụ Phán, cụ Nhanh để bà T1 quản lý, sử dụng thờ cúng ông bà tổ tiên, chăm sóc mồ mã trên đất có 04 ngôi mộ. Do đó, giao cho bà T1 được hưởng toàn bộ phần đất theo đo đạc thực tế 23.508,5m², không chia cho cụ A được hưởng giá trị phần đất 3.679,5m² đo thừa so với Giấy chứng nhận.

2.2- Bà T1 kháng cáo yêu cầu được nhận căn nhà chính, nhà phụ theo như di chúc định đoạt, chứ bà không đồng ý nhận ½ giá trị căn nhà

Trên đất có căn nhà chính xây dựng năm 2010, diện tích 167m², định giá là 394.537.500 đồng; căn nhà tạm cất năm 2010 cặp căn nhà chính, diện tích 24m², định giá 4.200.000 đồng; căn nhà cấp 4 (mê bờ sông) xây dựng năm 2018 sửa từ nhà cũ, diện tích 33m², giá 34.650.000 đồng; tuy là di chúc cụ Phán để căn nhà chính cho bà T1, nhưng cụ A không đồng ý vì cụ A cho rằng căn nhà xây cất năm 2010 và 2018, là tiền của vợ chồng cụ Anh, cụ Phán; về phía

nguyên đơn xác nhận tiền xây nhà do người thân cụ Phán chi xuất, xây nhà để sau này thờ cúng ông bà, nhưng nguyên đơn không đưa ra được căn cứ pháp lý để chứng minh. Theo quy định tại Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình: trong trường hợp không có chứng cứ chứng minh tài sản vợ chồng đang tranh chấp là tài sản riêng của mỗi bên thì đó là tài sản chung. Vì vậy, nhà và công trình trên đất như hàng rào, cổng xỏ vuông là tài sản chung của vợ chồng cụ Phán, cụ A; cho nên bà T1 được $\frac{1}{2}$ (là phần của cụ Phán) chứ không được hưởng toàn bộ căn nhà nêu trong di chúc.

Tại phiên tòa phúc thẩm, chị H trình bày từ sau khi cụ Phán chết thì cụ A vẫn ở trên nhà đang tranh chấp, do cụ bị bệnh nên thỉnh thoảng về nhà bà ngoại ở; chị H xác nhận ngoài căn nhà này thì cụ A không còn căn nhà nào khác; bản án sơ thẩm xem xét tình hình thực tế nên giao nhà cho cụ A là phù hợp, cụ A hoàn lại giá trị nhà cho bà T1.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn, bị đơn và vợ chồng ông L bà T2 xác nhận căn nhà cấp 4 ở (mê bờ sông) trị giá 34.650.000 đồng hiện nay không còn sử dụng được; do đó không buộc cụ A hoàn trả $\frac{1}{2}$ giá trị căn nhà này.

Cụ A được nhận tài sản trên đất: Căn nhà chính xây dựng năm 2010, trị giá là 394.537.500 đồng và căn nhà tạm cấp căn nhà chính, trị giá 4.200.000 đồng; hàng rào trị giá 5.852.350 đồng. Tổng giá trị tài sản trên đất 404.590.000 đồng (làm tròn số).

Đối với QSD đất cụ A được nhận giữ nguyên như bản án sơ thẩm là 320,5m², do toàn bộ thửa đất thuộc về bà T1, nên cụ A phải hoàn trả giá trị đất cho bà T1 $320,5\text{m}^2 \times 64.278 \text{ đồng/m}^2 = 20.601.000 \text{ đồng}$ (làm tròn số)

Tổng số tiền cụ A hoàn trả cho bà T1 $(404.590.000 \text{ đồng} : 2 = 202.295.000 \text{ đồng}) + 20.601.000 \text{ đồng} = 222.896.000 \text{ đồng}$.

Bà T1 nhận cổng xỏ vuông trị giá 8.469.090 đồng, bà T1 hoàn trả cho cụ Anh $\frac{1}{2}$ bằng 4.235.000 đồng (làm tròn số).

Đối trừ nghĩa vụ hoàn trả giá trị giữa bà T1 với cụ A, thì cụ A có nghĩa vụ hoàn trả cho bà T1 số tiền $222.896.000 \text{ đồng} - 4.235.000 \text{ đồng} = 218.661.000 \text{ đồng}$.

2.3- Xét kháng cáo 22 chỉ vàng 24k: Theo như bà T1 trình bày, di chúc cụ Phán cho bà T1 được hưởng 22 chỉ vàng 24k mà mẹ bà T1 là cụ Nhanh để lại cho cụ Phán và cụ Phán giao cho cụ A cất giữ, nên sau khi cụ Phán chết thì cụ A phải giao lại 22 chỉ vàng 24k cho Thu, nhưng cụ A không đồng ý vì cụ không có cất giữ 22 chỉ vàng; bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu này của bà T1 là có căn cứ, bởi lẽ ngoài di chúc do chính cụ Phán tự ghi nhận có số vàng do cụ Nhanh để lại, thì bà T1 không đưa ra được chứng cứ chứng minh cha mẹ bà có số vàng này. Do vậy, không chấp nhận kháng cáo buộc cụ A giao cho bà T1 22 chỉ vàng 24k.

2.4- Từ nhận định trên, chấp nhận một phần kháng cáo của bà T1 theo hướng bà T1 được hưởng diện tích đất thể hiện trong di chúc theo đo đạc thực tế

là 23.188m² và có cổng xô vuông; chấp nhận một phần kháng cáo của bà T1 về căn nhà, bà T1 được hưởng ½ giá trị nhà và hàng rào. Giao cho cụ A được hưởng căn nhà và hàng rào và 320,5m² đất, cụ A có trách nhiệm hoàn trả cho bà T1 số tiền 218.661.000 đồng. Không chấp nhận kháng của bà T1 về việc yêu cầu cụ A giao trả 22 chỉ vàng 24k.

[3] Xét kháng cáo của cụ Lâm Thị A về yêu cầu phân chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản của cụ Trương Minh Phán

3.1- Xét kháng cáo yêu cầu chia thừa kế quyền sử dụng đất

Đại diện hợp pháp của cụ A trình bày di chúc của cụ Phán thể hiện di sản thừa kế gồm đất và nhà, yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật.

Như phân tích ở trên đối với kháng cáo của bà T1, về phần đất cụ Phán đứng tên Giấy chứng nhận là tài sản của cụ Phán và cụ Nhanh (vợ đầu của cụ Phán và là mẹ của bà T1), do đó cụ Phán có quyền định đoạt tài sản của mình, cụ cho bà T1 được hưởng phần đất để quản lý, canh tác đất và chăm sóc mồ mã, thờ cúng ông bà; mặt khác, cụ A và cụ Phán chung sống với nhau từ năm 1988, không đăng ký kết hôn, nên không được pháp luật công nhận là vợ chồng; di chúc của cụ Phán thì cụ A không được hưởng phần đất do cụ Phán đứng tên. Theo quy định tại Điều 651 Bộ luật dân sự thì cụ A không thuộc diện là người thừa kế theo pháp luật, cho nên kháng cáo của cụ A yêu cầu chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất không được chấp nhận.

3.2- Xét kháng cáo của cụ A đối với yêu cầu chia tài sản trên đất (nhà, hàng rào, cổng xô vuông) theo quy định của pháp luật

Phân tích về kháng cáo của bà T1 ở trên, tài sản trên đất là nhà, hàng rào, cổng xô vuông là tài sản chung của vợ chồng cụ Phán, cụ A; bản án sơ thẩm giao cho cụ A và bà T1 mỗi người được ½ tài sản là có căn cứ. Do cụ A được nhận nhà, hàng rào và có trách nhiệm hoàn trả cho bà T1 ½ giá trị; bà T1 nhận cổng xô vuông nên hoàn trả cho cụ A ½ giá trị. Bản án sơ thẩm đã phân chia tài sản trên đất là đúng quy định pháp luật, nội dung kháng cáo này của cụ A đã được bản án sơ thẩm xem xét quyết định, cho nên HĐXX cấp phúc thẩm giữ nguyên quyết định của án sơ thẩm về chia di sản thừa kế đối với tài sản trên đất.

3.3- Từ nội dung trên, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Lâm Thị A đối với yêu cầu chia thừa kế quyền sử dụng đất do cụ Phán đứng tên Giấy chứng nhận.

[4] Về chi phí tố tụng: chi phí đo đạc, định giá, giám định chữ ký, bản án sơ thẩm quyết định là đúng, cần giữ nguyên.

[5] Về án phí

5.1- Án phí dân sự sơ thẩm

Cụ Lâm Thị A là người cao tuổi nên được miễn án phí.

Do sửa án sơ thẩm, nên sửa án phí dân sự sơ thẩm, bà T1 chịu án phí có giá ngạch đối với giá trị phần tài sản được nhận (23.188m² x 64.278 đồng/m² =

1.490.478.000 đồng [làm tròn]) + 218.661.000 đồng = 1.709.139.000 đồng. Án phí có giá ngạch là 63.274.000 đồng (làm tròn). Bà T1 có Đơn xin xem xét về án phí, vì hoàn cảnh kinh tế khó khăn, Đơn có xác nhận của UBND xã. Xét thấy, hiện tại bà T1 buôn bán nhỏ, tuy bà T1 được nhận phần đất của cụ Phán để lại cho bà ở mục đích chăm sóc mồ mã chứ không được sang bán, vì vậy HĐXX giảm cho bà T1 một phần án phí 31.637.000 đồng, nộp một phần bằng 31.637.000 đồng, trừ đã dự nộp 3.680.000 đồng, bà T1 nộp tiếp 27.957.000 đồng.

[6] Án phí phúc thẩm: Cụ A được miễn; bà T1 không phải chịu, đã dự nộp được nhận lại.

[7] Từ nhận định trên, chấp nhận một phần kháng cáo của bà T1; không chấp nhận kháng cáo của cụ A; sửa một phần bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát phát biểu tại phiên tòa.

[8] Tại cấp sơ thẩm ông L, bà T2 không tham gia, tại phiên tòa sơ thẩm chị H và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cụ A đồng ý hủy hợp đồng cho thuê đất với ông L, bà T2 vì trên thực tế ông L đã giao trả lại đất; tại phiên tòa phúc thẩm, ông L, bà T2 có mặt và trình bày hiện tại đang ở trên phần đất. Vì vậy, buộc cụ A, chị H, ông L, bà T2 giao phần đất cho bà T1.

[9] Các quyết định khác của án sơ thẩm không kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận một phần kháng cáo của bà Trương Hồng T1 về công nhận một phần di chúc đối với di sản thừa kế là quyền sử dụng đất; không chấp nhận kháng cáo của cụ Lâm Thị A về chia thừa kế là quyền sử dụng đất; sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 61/2024/DS-ST ngày 13 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi, tỉnh Cà Mau.

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 129, Điều 649, Điều 650 và Điều 658 của Bộ luật dân sự năm 2005; các Điều 213, 218, 636, 640 và Điều 651 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 167 của Luật đất đai, sửa đổi bổ sung năm 2013; khoản 1 Điều 14, Điều 16 và Điều 27 của Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào các Điều 147, 161, 165 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trương Hồng T1

1.1- Tuyên bố hợp đồng thuê đất giữa cụ Lâm Thị A, chị Trương Diễm H với ông Nguyễn Minh L, bà Lê Hồng T2 thiết lập ngày 6/3/2023 vô hiệu.

1.2- Buộc cụ Lâm Thị A, chị Trương Diễm H, ông Nguyễn Minh L, bà Lê Hồng T2 có nghĩa vụ giao cho bà Trương Hồng T1 phần đất diện tích 23.188m² (có cổng xô vuông 9m²) tọa lạc tại ấp Thuận Hoà B, xã Tân Thuận, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau thuộc thửa số 41 và 43, tờ bản đồ số 21 do Trương Minh Phán đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Có các hướng tiếp giáp:

Hướng Đông giáp Trương Thị Tánh từ điểm M12 đến M21 dài 638,33m;

Hướng Tây giáp Trương Thị Điệp từ điểm M1 đến M10, dài 596,48m;

Hướng Nam giáp phần đất cụ Lâm Thị A được hưởng M24, M25, đường lộ ô tô về Trung tâm Tân Thuận và Sông Cánh Diên Điền, dài 35,22m;

Hướng Bắc giáp phần đất Trần Văn Khởi M10, M11, M12, dài 42,29m.

(Kèm theo mảnh trích đo thửa đất ngày 26/6/2023)

1.3- Bà T1 được chia giá trị tài sản trên đất với số tiền 218.661.000 đồng, cụ Lâm Thị Anh có trách nhiệm hoàn trả cho bà T1 số tiền 218.661.000 đồng.

1.4- Không chấp nhận yêu cầu của bà Trương Hồng T1 về buộc cụ Lâm Thị A trả cho bà 22 chỉ vàng 24k theo di chúc lập ngày 10/9/2018.

2- Chấp nhận một phần yêu cầu của cụ Lâm Thị A về chia thừa kế là tài sản trên đất

2.1- Giao cho cụ Lâm Thị A được hưởng phần đất diện tích 320,5m² trên đất có căn nhà chính, diện tích 167m²; căn nhà tạm diện tích 24m² và hàng rào 15m tọa lạc nhà, đất tại ấp Thuận Hoà B, xã Tân Thuận, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau có các hướng tiếp giáp:

Hướng Đông giáp phần đất Trương Hồng T1 được hưởng và phần đất còn lại tên Trương Minh Phán điểm M4, M3, M22, M24, dài 37,31m;

Hướng Tây giáp phần đất Trương Hồng T1 được hưởng điểm M1, M2, M23, M24, dài 34,96m;

Hướng Nam giáp Sông Cánh Diên Điền, dài 7,50m;

Hướng Bắc giáp phần đất Trương Hồng T1 được hưởng M24, M25, dài 15m.

(Kèm theo mảnh trích đo thửa đất ngày 26/6/2023)

2.2- Buộc cụ Lâm Thị A có nghĩa vụ giao cho bà Trương Hồng T1 giá trị nhà và giá trị hàng rào số tiền 218.661.000 đồng.

2.3- Không chấp nhận yêu cầu phản tố của cụ Lâm Thị A và chị Trương Diễm H về việc yêu cầu chia di sản thừa kế theo pháp luật là phần đất của cụ Trương Minh Phán.

2.4- Không chấp nhận yêu cầu của cụ Lâm Thị A về buộc bà Trương Hồng T1 trả cho cụ 20 chỉ vàng 24k, lãi suất theo quy định pháp luật về lãi suất.

3. Chi phí tố tụng

- Bà Trương Hồng T1 phải chịu chi phí thẩm định, đo đạc và định giá là 13.713.800 đồng, đã nộp xong.

- Cụ Lâm Thị A phải chịu chi phí thẩm định, đo đạc và định giá là 4.463.200 đồng. Cụ A có trách nhiệm trả lại số tiền 4.463.200 đồng cho bà Trương Hồng T1.

- Chị H phải chịu chi phí giám định số tiền 6.980.000 đồng, chị H đã nộp đủ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, nếu chậm thi hành án thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Bà Trương Hồng T1 và cụ Lâm Thị A có trách nhiệm liên hệ với Cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục sang tên quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật đối với phần diện tích đất được hưởng.

4. Về án phí

4.1- Án phí dân sự sơ thẩm

- Bà Trương Hồng T1 được giảm một phần, phải nộp một phần bằng 31.637.000 đồng trừ đã dự nộp 3.680.000 đồng theo biên lai số 0014127 ngày 12/5/2023; số 0000375 ngày 18/9/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi, bà T1 nộp tiếp 27.957.000 đồng.

- Cụ Lâm Thị A được miễn án phí.

- Chị Trương Diễm H phải chịu án phí số tiền 300.000 đồng.

4.2- Án phí dân sự phúc thẩm

- Cụ Lâm Thị A được miễn.

- Bà Trương Hồng T1 không phải chịu, đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai số 0000902 ngày 28 tháng 3 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau được nhận lại.

5. Các quyết định khác của án sơ thẩm không kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục THADS huyện Đầm Dơi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTC

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Nguyễn Thị Hiền